

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/DS-PT  
Ngày 24-3-2023  
“V/v Tranh chấp thực hiện nghĩa  
vụ tài sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Thanh

Ông Trần Trọng Nhân

**- T ký phiên tòa:** Ông Không Văn Đa - T ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 575/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 538/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Võ Ngọc L, sinh năm: 1977;

Địa chỉ : Số C4/18F, ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Võ Hồng X, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số 363 ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:**

1. Anh Phan Thanh S, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Trương Thị Minh H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Chị Phan Thị Minh T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thanh D, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Trần Thị L1, sinh năm: 1945; Địa chỉ: Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Phú V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2022 và cùng những lời trình bày của bà Võ Ngọc X là người đại diện theo ủy quyền như sau:*

Ông L có cho ông C1 vay nhiều lần như sau: Ngày 30 tháng 6 năm 2017, ông C1 vay của ông L số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 22 tháng 8 năm 2017, ông C1 vay của ông L số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 30 tháng 8 năm 2017, ông C1 vay của ông L số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 22 tháng 9 năm 2017, ông C1 vay của ông L số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 14 tháng 11 năm 2017, ông C1 vay của ông L số tiền 27.000.000 đồng; Ngày 23 tháng 11 năm 2017, ông C1 vay của ông L số tiền 43.000.000 đồng;

Đến ngày 23 tháng 11 năm 2017, ông L và ông C1 có tiến hành chốt nợ. Hai bên thỏa thuận vay số tiền là 420.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 24 tháng 11 năm 2017 đến ngày 24 tháng 11 năm 2018, lãi suất là 3%/tháng.

Để đảm bảo khoản vay, hai bên đã ký kết hợp đồng ủy quyền với nội dung “ông C1 ủy quyền cho ông L nhân danh ông C1 quản lý, sử dụng, định đoạt đối với thửa đất số 889 (pcl), tờ bản đồ số 02, diện tích 978m<sup>2</sup>, loại đất lúa, đất tại Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An”; đồng thời ông C1 đưa ông L giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Đến nay ông C1 chưa thanh toán gốc và lãi cho ông L. Năm 2018, ông C1 chết, hiện nay người thừa kế của ông C1 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi cho ông L.

Tại đơn khởi kiện, ông L yêu cầu những người thừa kế của ông C1 gồm anh S, chị T và bà H liên đới trả cho ông L số tiền vay gốc là 420.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng thời hạn là 12 tháng từ ngày 24 tháng 11 năm 2017 đến ngày 24 tháng 11 năm 2018 là 80.640.000 đồng (420.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 12 tháng); tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với thời gian chậm trả tính từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 3 năm 2022 là 40 tháng 403.200.000 đồng (420.000.000 đồng x 2,4%/tháng x 40 tháng); tiền lãi trên nợ lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 3

năm 2022 là 40 tháng 26.772.000 đồng (80.640.000 đồng x 0,83%/ tháng x 40 tháng).

Tổng số tiền ông L yêu cầu trả là 930.000.000 đồng. Đồng thời, ông L yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi trên nợ gốc chậm trả và lãi trên nợ lãi chậm trả từ ngày 25 tháng 3 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Xuân xác định chỉ yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ do H thừa kế di sản của ông C1 để lại là 420.000.000 đồng. Ông L không yêu cầu bà L1, bà H, chị T liên đới cùng ông S trả số tiền trên và không yêu cầu trả tiền lãi. Ông L đồng ý trả cho anh S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 625870 số vào số 00075 QSDĐ/0504-LA do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp ngày 20 tháng 12 năm 1997 đối với thửa đất số 889 (pcl), tờ bản đồ số 02, diện tích 978m<sup>2</sup>, loại đất lúa, đất tại Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn ông Phan Thanh S do ông Nguyễn Phú V đại diện theo ủy quyền đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng ông Vinh đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

*Bị đơn bà Trương Thị Minh H trình bày:* Bà là vợ của ông C1. Qua yêu cầu khởi kiện của ông L thì bà không đồng ý vì ông L cho ông C1 mượn tiền không có báo cho vợ con ông C1 biết, bà không biết ông C1 vay số tiền bao nhiêu, mục đích vay tiền làm gì, bà H không có nhận tiền. Di sản ông C1 để lại là thửa đất 889 (pcl), tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, diện tích 978m<sup>2</sup>, đất tại Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

*Bị đơn chị Phan Thị Minh T trình bày:* Chị là con ruột của ông C1. Chị thống nhất với ý kiến của bà H và anh S. Di sản ông C1 để lại là thửa đất 889 (pcl), tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, diện tích 978m<sup>2</sup>, đất tại Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thanh D trình bày:* Chị là con ruột của ông C1. Qua yêu cầu khởi kiện của ông L thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Di sản ông C1 để lại là thửa đất 889 (pcl), tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, diện tích 978m<sup>2</sup>, đất tại Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị L1 trình bày:* Bà là mẹ ruột của ông C1, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L vì ông L cho ông C1 mượn tiền không có báo cho mọi người trong gia đình ông C1 biết. Di sản ông C1 để lại là thửa đất 889 (pcl), tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, diện tích 978m<sup>2</sup>, đất tại Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 461, Điều 463, Điều 465, Điều 468; Điều 614, Điều 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L buộc bà L1, bà H, chị T liên đới với anh S thực hiện nghĩa vụ do ông C1 chết để lại.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L buộc anh S, bà L1, bà H, chị T liên đới trả số tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L buộc anh S thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông C1 chết để lại. Buộc anh S có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc ông L trả cho anh S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 625870 số vào sổ 00075 QSDĐ/0504-LA do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp ngày 20 tháng 12 năm 1997 cho ông C1 đối với thửa đất số 889 (pcl), tờ bản đồ số 02, diện tích 978m<sup>2</sup>, loại đất lúa, đất tại Ấp L2, xã P, huyện C, tỉnh Long An cho.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2022/QĐ-ADBPCKTT ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị hủy bỏ.

Sau khi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2022/QĐ-BPKCTT ngày 09 tháng 5 năm 2022 bị hủy bỏ, ông L nhận lại số tiền nộp bảo đảm là 176.100.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cần Giuộc Đông Long An.

Về chi phí thẩm định tài sản là 7.350.000 đồng, anh S phải chịu và có trách nhiệm trả lại cho ông L số tiền này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh S phải chịu 20.800.000 đồng.

Hoàn trả cho ông L tiền tạm ứng án phí là 19.959.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013492 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của anh S là ông Vinh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng ông C1 không có vay tiền của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Bà X là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Do ông C1 đã chết, ông L chỉ yêu cầu anh S là người H di dân thừa kế của ông C1 trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời cho anh S trả dần trong thời hạn 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm và ông L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá 7.350.000 đồng.

*Bị đơn anh S trình bày:* Xác định ông C1 có nợ tiền ông L nhưng nợ bao nhiêu thì không biết. Tại phiên tòa bà X chỉ yêu cầu trả số tiền gốc 300.000.000 đồng anh đồng ý; đồng thời xin trả dần số tiền trên trong thời hạn 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đại diện ủy quyền của bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa các bên thống nhất số tiền phải trả là 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, thống nhất thời gian trả là 02 năm kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và ông L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá 7.350.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của đại diện ủy quyền của bị đơn. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đại diện ủy quyền của bị đơn kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của đại diện ủy quyền của bị đơn về toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Tại phiên tòa bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh S là người H di sản thừa kế của ông C1 trả số tiền gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi và đồng ý cho anh S trả số tiền trên trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và ông L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá là 7.350.000 đồng, anh S đồng ý. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[4] Đối với việc ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện từ số tiền gốc 420.000.000 đồng còn 300.000.000 đồng và thay đổi không yêu cầu tiền lãi. Nên cần xác định đây là việc thay đổi yêu cầu (không yêu cầu) nên nguyên đơn không được quyền khởi kiện lại đối với phần thay đổi. Vì vậy, không cần tuyên đình chỉ vì hậu quả của việc đình chỉ sau này nguyên đơn còn quyền khởi kiện lại là chưa đảm bảo quyền lợi của bị đơn và đúng với ý chí tự nguyện thay đổi của nguyên đơn. Nên cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm 15.000.0000 đồng: Buộc anh S phải chịu trong phạm vi di sản của ông C1 để lại.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh S không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phan Thanh S.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 271 và Điều 273, khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 461, Điều 463, Điều 465, Điều 468; Điều 614, Điều 615 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc L yêu cầu anh Phan Thanh S thực hiện nghĩa vụ do ông Phan Văn C1 chết để lại.

Buộc anh Phan Thanh S trả cho ông Võ Ngọc L trong phạm vi di sản của ông Phan Văn C1, số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Thời hạn trả số tiền trên là 02 (hai) năm tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2023.

Sau ngày 24 tháng 3 năm 2023, nếu anh Phan Thanh S còn nợ thì ông Võ Ngọc L được quyền yêu cầu thi hành án đối với số tiền còn nợ và phải chịu thêm tiền lãi tính trên số tiền còn nợ, tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Buộc ông Võ Ngọc L có trách nhiệm trả cho ông Phan Thanh S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 625870 sổ vào sổ 00075 QSDD/0504-LA do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp ngày 20 tháng 12 năm 1997 tên Phan Văn C1.

3. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2022/QĐ-ADBPKCTT ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An được hủy bỏ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Võ Ngọc L nhận lại số tiền nộp bảo đảm là 176.040.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cần Giuộc Đông Long An theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 12/2022/QĐ-BPBD ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 7.350.000 đồng (bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), ông Võ Ngọc L tự nguyện chịu số tiền này (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Buộc anh Phan Thanh S phải chịu trong phạm vi di sản của ông Phan Văn C1.

Ông Võ Ngọc L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Võ Ngọc L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.959.000 đồng (mười chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013492 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan Thanh S không phải chịu. Hoàn trả cho anh Phan Thanh S 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do người đại diện là ông Nguyễn Phú V đã nộp theo biên lai thu số 0013310 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Tuyên**